



TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

ThS. Lê Thị Thanh Thủy

- **CHƯƠNG 2: RÈN LUYỆN VỀ TỪ**
- **I. Từ và từ vựng tiếng Việt:**
- **1. Từ:**
- **Là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa, có chức năng độc lập tạo thành câu.**
- **VD: trường của chúng em là trường mầm non**
- **- yếu tố nhỏ hơn từ là âm tiết (hình vị, tiếng), nhỏ hơn âm tiết là âm vị.**
- **+ tiếng: là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa, có chức năng tạo từ, không dùng trực tiếp tạo thành câu.**
- **VD: trường của chúng em là trường mầm non**
- **-> 8 tiếng**



- - **Âm vị: Đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, tự thân không có ý nghĩa.**
- VD: mầm non => 6 âm vị: /m/â/m/n/o/n
- **2. Từ vựng:**
- **Là tập hợp các từ và ngữ cố định của một ngôn ngữ.**
- VD: lá lành đùm lá rách, mắt bồ câu..
- **3. Từ tiếng Việt: có hai loại**
- - **Từ có một âm tiết (1tiếng): từ đơn**
- VD: nhà, đi, tốt
- - **Từ có hai âm tiết trở lên (2 tiếng trở lên): từ ghép, từ láy**



- Thực hành
- 1. Tìm và phân loại các từ ghép có trong đoạn thơ sau:
 - “ Thanh minh trong tiết tháng ba
 - Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh
 - Gần xa nô nức yến anh
 - Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
 - Dập dìu tài tử giai nhân
 - Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.”
 - (Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)



○ 3.1. Đặc điểm từ tiếng Việt

○ a. Ngữ âm:

○ - Cố định, bất biến.

○ VD: Tôi đã đi đến trường bằng xe buýt.

○ b. Đặc điểm ngữ pháp:

○ - Vì tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình nên đặc điểm ngữ pháp của từ tiếng Việt được thể hiện bằng những yếu tố bên ngoài từ.

○ VD: quá khứ: đã, rồi (T.Anh: -ed, V2)

○ VD: tương lai: sẽ, định (will/shall/be going to)

○ VD: số nhiều: các, một số (s/es)



○ 3.2. Các kiểu từ xét về cấu tạo:

○ a. Từ đơn:

- Là từ do một âm tiết (tiếng) tạo nên.
- - từ đơn đơn âm: nhà, gà...
- - từ đơn đa âm:
 - + thuần Việt: bò kết, tắc kè, bò hóng, ...
 - + vay mượn: xà phòng, cà phê, căng tin, ti vi, ..



- **b. Từ láy:**
- Phương thức lặp lại bộ phận ngữ âm hay hoàn toàn của một hình vị gốc.
- VD: xinh-> xinh xinh;
- Đẹp-> đềm đẹp
- - **Láy đôi, ba, tư**
- 1) **Láy đôi:**
- -Láy hoàn toàn: xanh xanh, xa xa, oang oang
- - Láy bộ phận: láy âm, vần
- VD: vội vã, múa may; hấp tấp, bỡ ngỡ,
- - Biến đổi thanh theo quy tắc: hỏi, sắc, ngang; huyền, ngã, nặng



- **2) Láy ba:**

- Sạch sành sanh, khít khìn khịt, sát sần sạt, tẻo tẻo teo, dửng dưng dưng, cuống cuồng cuồng..

- **3) Láy tư:**

- Sản phẩm của láy hai:

- VD: khắp khênh-> khắp kha khắp khênh

- Gập ghềnh-> gập gà gập ghềnh



- ***Nghĩa của từ láy:**
- - **Giảm** cường độ của hoạt động, mức độ của tính chất.
- VD: thích -> thính thích; sợ-> sờ sợ
- - **Tăng** tính chất, trạng thái: sạch sành sanh, nhí nha nhí nhảnh
- - **Thu hẹp** nghĩa của hình vị gốc:
- VD: xanh -> xanh xao, xấu-> xấu xa;
- - **Diễn tả sắc thái** coi thường, đùa cợt, mỉa mai:
- VD: người ngợm, nghề ngỗng..
-



- - **Diễn tả mức độ** coi là chuẩn:
- VD: vừa vắn, ngay ngắn, thẳng thắn, ..
- => **từ láy là công cụ tạo hình đặc sắc của ngôn ngữ văn chương**



○ c. Từ ghép:

- - Là hình thức kết hợp hai hay hơn hai hình vị lại với nhau để tạo từ mới
- VD: nhà + cửa => nhà cửa
- Hợp tác + xã => hợp tác xã
- Có hai loại:
 - - **Từ ghép thực**: hình vị có nghĩa ghép lại với nhau: chính phụ, đảng lập
 - - **Từ ghép hư**: hình vị không có ý nghĩa từ vựng kết hợp lại với nhau.
- VD: vì thế, cho nên, nếu mà, tóm lại...



- * **Ghép chính phụ:** Ghép hai hình vị, trong đó có một *yếu tố chính* (đứng trước) và một *yếu tố phụ* (đứng sau).
- - **Loại yếu tố chính chỉ sự vật:** mặt trời, tên lửa, xe đạp, máy bay, cá chép, cây cọ.
- - **Loại yếu tố chính chỉ hoạt động:** trả lời, ăn ý, ăn trộm, xoa dịu..
- - **Loại yếu tố chính chỉ tính chất:** vui tính, tốt bụng, tươi cười, ngọt lịm..



○ 4. Ngữ cố định:

○ 4.1. KN:

- Những kết hợp từ, cụm từ hình thành trong giao tiếp, có kết cấu vững chắc, cố định, để gọi tên sự vật, hiện tượng.
- -> thành ngữ, quán ngữ
- VD: nói trộm vía, nói vô phép, nói không phải; mẹ tròn con vuông, tiền mất tật mang, chân cứng đá mềm, lạt mềm buộc chặt...



○ 4.2.Đặc điểm:

- - Có nghĩa chung, nghĩa mới, chứ không phải bằng tổng nghĩa của những từ trong ngữ tạo thành.
- VD: cưới ngựa xem hoa: đại khái, không kĩ, qua loa
- nước đổ lá khoai: không hiểu, không thấm thía
- - Có kết cấu vững chắc, nhưng cũng có vài trường hợp có thể thay đổi cho phù hợp với ý đồ người viết/nói.
- VD: ba chìm bảy nổi/bảy nổi ba chìm; ong bướm là loi/bướm là ong loi; trẻ không tha già không thương (từ)



○ 4.3. Phân loại:

○ a. Quán ngữ:

- Là ngữ cố định được đưa vào lời nói dưới dạng có sẵn để liên kết, đưa đẩy, rào đón, gần với cụm từ tự do hơn.
- VD: nói khí vô phép, nói bỏ ngoài tai, căng chóng thì chầy, lạy trời lạy đất..
- VD: (văn bản): như trên đã nói, có thể nói rằng, thứ nhất là, thứ hai là, nói tóm lại là..



- **b.Thành ngữ:**

- Là cụm từ cố định có kết cấu chặt chẽ, có nghĩa hoàn chỉnh.

- **-Kết hợp từ:**

- + thành ngữ là một cụm từ chính phụ (giận cá chém thớt, chân lấm tay bùn, ruột để ngoài da, khâu phật tâm xà, nước mắt cá sấu, nhanh như cắt, kêu như cuốc, học vẹt)

- + thành ngữ là một cụm chủ vị (gà trống nuôi con, gà què ăn quần cối, nước đổ lá khoai, đàn gầy tai trâu, mẹ tròn con vuông, chó ăn đá gà ăn sỏi);



- + Thành ngữ do hai hay cụm từ liên kết theo ngữ nghĩa nhất định (có mới nới cũ, chó treo mèo đập, chó gầy xấu mặt người nuôi)



○ **-cấu trúc thành ngữ:**

- + Kết cấu đối xứng (tiền mất tật mang, trống đánh xuôi kèn thổi ngược)
- + hài hoà thanh điệu (chân cứng đá mềm, mẹ gà con vịt)
- + có vần (mèo mả gà đồng, mẹ tròn con vuông)
- + kết cấu so sánh (lủi như lạch, hiền như phồng đất..)
- + kết cấu liệt kê (héo ruột héo gan, hả lòng hả dạ..)
- + kết cấu mục đích (mượn gió bẻ măng..)



○ 4.3. giá trị của ngữ cố định:

- - Định danh svht chưa có tên trong lớp từ vựng, bộc lộ thái độ, tình cảm của người nói, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người nghe, mang tính dân tộc.
- VD: Mắt bồ câu -> mắt đẹp
- VD: chuột chạy cùng sào -> tình thế bất buộc.
- -



- **II. Nghĩa của từ: nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu thái**
- **1. Nghĩa biểu vật:**
- Là loại sự vật được gọi tên, biểu thị (mang tính khái quát).
- VD: Nghĩa biểu vật của từ “bàn” là những cái bàn có trong đời sống
- **2. Nghĩa biểu niệm:**
- Là những hiểu biết về ý nghĩa của từ.
- VD: bàn: đồ dùng, có mặt phẳng cách mặt nền một khoảng lớn bởi chân, bằng nguyên liệu rắn, dùng để đặt các đồ vật, để viết.



- **3. Nghĩa biểu thái: là nét nghĩa biểu thị tình cảm, cảm xúc, đánh giá của người nói, viết**
- VD: “cho”: sắc thái trung hoà
- + tặng: biểu thị sự thân mật
- + biếu: biểu thị sự kính trọng
- + thí: biểu thị sự coi thường
- VD: “ăn”: trung hoà
- + xơi: bình dân
- + dùng: kính trọng



- **III. Tính nhiều nghĩa của từ:**
- **1. Từ nhiều nghĩa:**
- VD: đầu: đầu người, đầu súng, đầu cầu, đầu mối, đầu lưỡi, đầu đề, đầu bảng, đầu đàn, đương đầu, cứng đầu, hàng đầu, đứng đầu, dẫn đầu...
- VD: chạy: chạy bộ, chạy tiền, chạy giặc, hàng bán chạy, máy chạy...



- **1.1. Nghĩa chính:**
- Là nghĩa cơ bản, ít phụ thuộc vào ngữ cảnh, được sử dụng nhiều, là cơ sở để giải thích các nghĩa khác.
- VD: nhà: công trình kiến trúc dùng để ở.
- VD: chân: chỉ phần dưới của người, động vật.



- **1.2. Nghĩa phụ:**
- **Là nghĩa chuyển từ nghĩa chính sang, dựa trên cơ sở một số nét chung.**
- VD: người nhà (người ở trong cùng một nhà); nhà Lý (triều đại Lý)
- VD: chân bàn (bộ phận dưới của một đồ vật), chân núi (vị trí dưới cùng của sự vật)



○ 1.3. Nghĩa tu từ:

- Là nghĩa chỉ tồn tại trong một văn cảnh cụ thể, nghĩa được hình thành trên sự suy tưởng.
- VD: Mặt trời (1) của bắp thì ở trên đồi
- Mặt trời (2) của mẹ thì nằm trên lưng.
- => mặt trời (2): nghĩa tu từ: em bé được ví như sự sống của người mẹ.



- **2. Phương thức chuyển nghĩa:**
- **2.1. Ẩn dụ:**
- Là gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác dựa trên nét tương đồng (sự giống nhau)
- VD: chân: bộ phận dưới cùng của cơ thể, dùng để đi, đứng => chân bàn (bộ phận dưới cùng của đồ vật)
- => sự chuyển nghĩa dựa trên sự giống nhau về vị trí.



- **Các loại ẩn dụ:**
- - **Ẩn dụ dựa trên sự giống nhau về hình thức.**
- VD: mũi (là bp cơ thể có dáng nhọn...) -> mũi tàu, mũi đất, mũi dao..
- - **Ẩn dụ dựa trên sự giống nhau về màu sắc.**
- VD: màu da trời, màu da cam, màu râu, màu lông chuột, màu hột gà...
- - **Ẩn dụ dựa trên sự giống nhau về đặc điểm, tính chất.**
- VD: khô (ít hoặc không có nước) => lời nói khô, khô khan tình cảm..
- VD: sáng -> sáng dạ, vấn đề rất sáng



- - Ẩn dụ dựa trên sự giống nhau về công dụng, chức năng.
- VD: tay bừa, áo gối
- - Ẩn dụ dựa trên sự chuyển đổi cảm giác.
- VD: ngọt ngào -> hương lúa ngọt ngào; tiếng hát ngọt ngào
- - Ẩn dụ từ cụ thể đến trừu tượng
- VD: lửa căm thù,
- - Ẩn dụ chuyển tính chất của sinh vật sang sự vật.
- VD: gió gào thét, dòng sông thôn thức...



- **2.2. Hoán dụ**
- Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên sự đi đôi với nhau trong thực tế (dựa trên sự liên tưởng).
- Các loại hoán dụ:
 - - *Dựa trên quan hệ toàn thể - bộ phận:*
 - VD: gốc mía -> cây mía,
 - Nhà có sáu miệng ăn -> sáu người,
 - Ông ấy là cây bút nổi tiếng-> nhà văn,
 - Anh là chân bóng xuất sắc -> cầu thủ



- - **Lấy thời gian, địa điểm thay cho người sống ở đó.**
- VD: thành phố xuống đường -> người thành phố
- - **Dựa vào mối quan hệ giữa bộ phận cơ thể với chức năng, vị trí của nó.**
- VD: khối óc -> trí tuệ
- VD: tim -> tình cảm
- - **Dựa vào mối quan hệ giữa sản phẩm và tên gọi của sản phẩm, tên tác giả.**
- VD: Bia Sài Gòn,



- - Dựa vào mối quan hệ giữa biểu hiện của hiện tượng, trạng thái với hiện tượng, trạng thái đó.
- VD: Ông ấy đã tắt thở/nhắm mắt xuôi tay -> chết
- VD: Ông ấy đỏ mặt tía tai -> giận dữ
- ...



○ **IV. Trường từ vựng – ngữ nghĩa**

- **1.KN:** là tập hợp các từ, ngữ cố định trong từ vựng của một ngôn ngữ căn cứ vào một nét đồng nhất nào đó về nghĩa.
- **2. Các loại trường nghĩa:**
 - **2.1. Trường nghĩa biểu vật:** tập hợp những từ đồng nghĩa về biểu vật.
 - VD: trường biểu vật: người
 - - **Người nói chung:** giới tính nam hay nữ; tuổi tác: già, trẻ;
 - - **Bộ phận cơ thể con người:** đầu, mình, tay, chân...
 - - **Hoạt động con người:** cầm, nắm, đi, nghỉ..



- VD: trường biểu vật: động vật
- - **Động vật nói chung**: tên gọi (chó, gà, mèo, dê, ..); giống (đực, cái); bộ phận (đầu, mình, chân, cánh, ..); hoạt động (đi, chạy, ăn, trườn, bò..);



○ 2.3. Trường liên tưởng:

- tập hợp những từ gọi theo quy luật liên tưởng.
- VD: Truyện: cô tích, ngụ ngôn, cười, tranh, đọc, kẻ, bụt, tiên, thần, Sọ Dừa, Tấm Cám..



○ 2.2. Trường biểu niệm:

- Tập hợp những từ có chung cấu trúc biểu niệm.
- VD: công cụ lao động cầm tay:
 - - dùng để chia, cắt: dao, kéo, liềm, hái..
 - - dùng để đục: đục, khoan, dùi..
 - - dùng để đánh bắt: chài, lưới, vó, đó, dăng..



- **Nguyên nhân:**
- - **Lẫn lộn giữa các từ gần âm**
- VD: thủ tục/hủ tục; tinh tế/tinh túy; bản/bảng; khắc phục/khuất phục, yếu điểm/điểm yếu...
- - **Không nắm được vở âm thanh:**
- VD: xán lạn/sáng lạng; thủy mặc/thuỷ mặc; khẳng định/khảng định; bạt mạng/bạc mạng; tham quan/thăm quan; cảm khái/cảm khoái..
- - **Sai do cách phát âm địa phương:**
- VD: đậu nành/đậu lành; bắt trắc/bắt chắc



○B. Yêu cầu chung về sử dụng từ ngữ

○1. Đúng âm thanh và hình thức cấu tạo

○- Vì từ có mặt: âm thanh và nội dung

○=> nếu sai âm thanh sẽ dẫn đến sai nội dung

○VD: Anh ấy là người rất lãng mạng.

○=> lãng mạn

○VD: Anh ấy là người bàng quang, cầu an.

○=> bàng quan

○VD: Chị là người phụ lữ của gia đình.

○=> phụ nữ



- **2. Dùng từ phải đúng nghĩa:**
- **-> Phản ánh đúng nội dung biểu đạt.**
- VD: Mẹ ơi, mặc quần áo chật thì máu không giao thông phải không mẹ?
- VD: Hoạt động y tế cơ sở trong chiến tranh là hoạt động thầm kín.
- VD: Người nông dân đã phải chịu đựng tất cả cái nóng bức, oi ả, cay nghiệt của buổi trưa hè.
- => lưu thông, thầm lặng/bí mật; khắc nghiệt



- **3. Chính xác về mục đích giao tiếp:**
- - **Tùy mục đích giao tiếp và vai giao tiếp mà chọn từ cho phù hợp:**
- + **tích cực, tiêu cực**
- + **trên vai, ngang vai, dưới vai**
- VD: “chết”: có nhiều từ mang nghĩa chết: hi sinh, qua đời, toi,.. tùy từng trường hợp mà lựa chọn từ ngữ cho phù hợp:
- VD: Anh ấy đã hi sinh ở chiến trường, (không thể nói: anh ấy toi mạng ở chiến trường)..●

- - **Đúng sắc thái biểu cảm:**
- VD: Bà ơi, mẹ cháu bả cháu đem sang cho bà con cá này.
- VD: Người chiến sĩ ấy rất ngoan cường, dũng cảm như con cá cuống chết đến đít còn cay.
- => biểu; bỏ so sánh



4. Dùng từ đúng phong cách ngôn ngữ

Dùng từ đúng phong cách chức năng ngôn ngữ: có từ đa phong cách, có từ chỉ dùng cho một loại phong cách.

-> *Không dùng lẫn lộn phong cách:*

VD: Kính gửi các anh trên Sở (Công văn)

VD: Thầy hiệu trưởng trường em rất chi là nghiêm khắc (bài văn miêu tả của HS).

VD: Cuộc họp bắt đầu hơi sớm một chút, mong các đồng chí đến đúng giờ (giấy mời)

=> Lẫn phong cách sinh hoạt với phong cách văn bản.



- **5. Tránh dùng thừa từ, thiếu từ:**
- VD: Bốn câu ca dao ấy không biết tự bao giờ, nó đã đi sâu vào lòng người và nó đi bằng cách nào nhỉ? (Bài văn HS)
- VD: Lớp trẻ không ngừng ngày một trưởng thành và lớn lên.
- => thừa: nó; không ngừng, lớn lên




- **6. Tránh dùng từ công thức, sáo rỗng:**
- VD: Ông là nhà thơ vĩ đại đã viết nên những tác phẩm tuyệt vời, với một nội dung trữ tình sâu sắc, một hình thức điêu luyện, xứng đáng ở đỉnh cao chói lọi trên văn đàn thơ ca rực rỡ của dân tộc.



- **III. Nguyên tắc dùng từ:**
- - Chính xác nội dung biểu đạt
- - Phù hợp hoàn cảnh giao tiếp
- - Phù hợp phong cách.



- **1. Chính xác về nghĩa:**
 - **Muốn dùng từ đúng phải hiểu rõ về nghĩa của từ (sử dụng thường xuyên từ điển tiếng Việt). Chú ý những từ gần nghĩa, gần âm.**
 - VD: Sa mạc hoang vu. “hoang vu”: trong từ điển Hán Việt là “cỏ rậm mọc đầy”
 - => Sa mạc hoang vắng.
 - VD: “du côn” – “du đãng”:
 - + du côn: “côn” là gậy, từ mang ý nghĩa tượng trưng cho sức mạnh thô bạo.
 - + du đãng: mang ý nghĩa của cách sống phúng tủng, lang thang, có thể quậy phá nhưng không có hành vi côn đồ, bạo lực.
- 

- **2. Phù hợp hoàn cảnh giao tiếp:**
- - Mục đích giao tiếp
- - Vai giao tiếp



- **3. Chính xác về phong cách (khoa học, hành chính, báo chí, chính luận, văn chương)**
- **Mỗi phong cách có đặc điểm sử dụng ngôn ngữ riêng.**
- **a. Văn bản khoa học: (sgk, bài nghiên cứu)**
- **Sử dụng từ đơn nghĩa, chính xác, không dùng từ ngữ biểu cảm (ôi, chao, hỡi, nhĩ...), không dùng từ địa phương, khẩu ngữ, biện pháp tu từ (nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, cường điệu...)**
- **“ Pho tượng bằng cẩm thạch nổi tiếng *Hercule suy tư* được nặn vào khoảng thế kỉ thứ 2 sau công nguyên ...”**
- **=> nặn : tạc**



- **b. Phong cách báo chí:** Sử dụng ngôn ngữ toàn dân, có thể sử dụng thêm từ ngữ mới, lạ để thu hút độc giả.
- **VD:** Những nhà làm luật cần thiết phải có giải thích rõ ràng và nên theo hướng ai sai thì người đó phải chịu trách nhiệm, không thể cứ tiếp tục mãi kiểu “quýt làm cam chịu”.
- **c. Phong cách hành chính:** Sử dụng từ ngắn gọn, trang trọng, khách quan, đơn nghĩa, không dùng từ ngữ địa phương, khẩu ngữ..



- **d. Phong cách chính luận: Từ ngữ mang tính trang trọng, có tính thuyết phục cao, có thể sử dụng biện pháp tu từ.**
- **VD: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng bắt chúng ta nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.**
- **=> bp tăng tiến, lặp cấu trúc.**




- **BT1: Tìm và sửa lỗi từ sai:**
- **1. Thực tế đã bác bỏ những luận điệu sai trái đó.**
- **2. Nó là đứa trẻ chưa vị thành niên.**
- **3. Đó là phương án tối ưu nhất.**
- **4. Tỷ lệ thất nghiệp trong 6 tháng đầu năm ở nước ta xấp xỉ gần 30% dân số.**
- **5. Đây là vũ khí tối tân nhất của nước ta.**
- **6. Dọc theo nhiều con đường của thủ đô Hà Nội, những hàng sấu cao vút toả bóng man mác.**
- **7. Suốt mười năm ấy, bà sống ngắc ngoải trong nỗi thương nhớ và chờ đợi.**
- **8. Phương châm, biện pháp quân sự áp dụng trong suốt cuộc chiến tranh gọi là chiến thuật.**

- **9. Từ trong kiên thức của mình, tôi bắt đầu nhận thấy bước khởi đầu như vậy là đúng hướng.**
- **10. Việc kí duyệt sai nguyên tắc của giám đốc công ti đã gây thất thu đến hàng tỉ đồng.**
- **11. Chúng ta phải chủ động đề xướng những phương hướng và biện pháp giải quyết.**
- **12. Xã tôi có 30 hộ thuộc loại xoá đói giảm nghèo.**
- **13. Trong vụ này, anh ta đã định bụng gây thương tích cho người khác.**
- **14. Dù xa quê gần 20 năm nhưng những hình ảnh về nơi chôn nhau cắt rốn vẫn in đậm trong trí ức của tôi.**
- **15. Sau mấy đêm mất ngủ, trông anh ấy nhếch nhác như người vừa ốm dậy.**



- 16. Bà cụ hé mở đôi môi như muốn nói điều gì.
- 16. Tôi qua lại cọn sông này thường trực nên tôi biết rõ các luồng lạch của nó.
- 17. Vừa rồi, chính quyền Hà Nội đã giải tán hàng chục điểm xây dựng trái phép trên đê và ven đê.
- 18. Nạn phá rừng đã gây ra bao tai nạn môi trường: hạn hán, lũ lụt...
- 19. Trong thời loạn lạc ấy, bọn buôn bán nước lúc nhúc như dòi.
- 20. Nó có thái độ bàng quang trước thời cuộc.
- 21. Làm xong công việc, nó cất lên một nụ cười sung sướng.

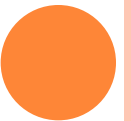


- **22. Đó là khoảng khắc đáng nhớ nhất.**
 - **23. Ở trong tù, người chiến sĩ ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái.**
 - **24. Tiếng Việt có thể nói là thứ tiếng linh động và phong phú.**
 - **25. Mùi hương vẫn còn lẫn quất đâu đây.**
 - **26. Xấp xỉ gần một nghìn dân thì có một di tích.**
 - **27. Cóc chết còn quay đầu về núi, con người làm sao không nhớ quê cha đất tổ.**
 - **28. Vị đại sứ toàn quyền của Bỉ đã tiếp kiến Thủ tướng nước ta và trình quốc thư.**
- 

- **29. Lực lượng công an áp giải xe chở tiền về đến tận ngân hàng.**
- **30. Chiến dịch Mùa hè xanh đã trở thành một trào lưu được rất nhiều học sinh, sinh viên hưởng ứng tích cực.**
- **31. Trước tình hình khốn khổ của đứa bé, ai cũng thấy trong lòng bất nhất.**
- **32. Địa đạo Củ Chi là một bức tranh lung linh về chiến tranh du kích.**
- **33. Chỉ số tuyển sinh đại học năm nay tăng hơn năm ngoái.**
- **34. Anh ta lăn lóc dưới đất, định nằm ăn vạ. ●**

- **35. Những lời nói chân tình tự đáy lòng khiến mọi người cảm xúc.**
- **36. Tôi đang ì ạch sửa lại truyện ngắn thì có tiếng xe máy vào.**
- **37. Những điều hiểu biết do học tập hoặc do từng trải mà tích lũy được là nhận thức.**
- **38. Khu vực đặc biệt quan trọng là yếu điểm.**
- **39. Những lúc ấy, bà chỉ lẳng lặng gặt đầu và nhìn đi đâu.**
- **40. Nghe bệnh, bắt mạch xong, ông thủng thỉnh kê đơn bốc thuốc.**
- **41. Phố chợ bây giờ đông vui tấp nập, khác hẳn với thời chiến tranh chỉ có lơ thơ vài chỗ bán tạp hoá.**

- **BT2. Giải thích nghĩa của yếu tố : “chín” trong những tình huống sau:**
- 1. cơm đã chín
- 2. suy nghĩ chín
- 3. thời cơ đã chín
- 4. tuổi đời đã chín



○ **BT3. Giải nghĩa yếu tố trong các tình huống:**

- ***“ăn”** trong tình huống:
- 1. Anh ấy đang ăn cơm.
- 2. Xe này thắng không ăn.
- 3. Cô ấy chụp hình rất ăn ảnh.
- 4. Xe đang ăn hàng.
- 5. Các bánh xe này ăn với nhau.



- **BT4. Giải nghĩa yếu tố “chết” trong những tình huống sau:**
- 1. Ông ấy đã chết rồi.
- 2. Xe chết máy.
- 3. Bút này bị chết mực.
- 4. Anh ấy nói như vậy, có chết không chứ



- **BT5. Giải nghĩa yếu tố “trắng” trong những tình huống sau:**
- **1. Vụ mùa mất trắng**
- **2. Nói trắng ra**
- **3. Trắng án**
- **4. Trắng tay**
-



- **Bài tập số . Giải nghĩa yếu tố “đầu” trong tình huống:**
- **Đứng đầu lớp**
- **Ông ta đầu tàu của công ti.**
- **Nó làm việc mà không có cái đầu.**
- **Đầu óc nó để đi đâu.**
- **Anh ta không ngại đương đầu với việc khó.**



○ **BT6. Giải thích nghĩa của từ và đặt câu:**

- 1. lợi tức/lợi nhuận
- 2. danh lam/thắng cảnh
- 3. kế toán/hạch toán



- **BT7: Phát hiện và chữa lỗi dùng từ:**
- **1. Làm sai phải biết thành khẩn nhận lỗi, không nên bao biện.**
- **2. Những tình tiết trang trí đều rất sáng tạo.**
- **3. Ngôi trường mới đã được khởi sự xây dựng.**
- **4. Anh ta có ưu điểm là năng nổ, tích cực nhưng cũng có yếu điểm là dễ hoang mang, dao động.**
- **5. Thành đoàn TP.HCM đang phát động trào lưu hiến máu nhân đạo để cứu người.**
- **6. Theo lời khuyên của ba mẹ và theo gia phong của gia đình, tôi đã chọn ngành sư phạm.**
- **7. Khí hậu thời tiết năm nay rất thất thường, mưa bão xảy ra liên tục.**
- **8. Khách đến đây thường là những ông chủ giàu có, người có thu nhập cao, những “vị tai to mặt lớn”.**

- **BT8. Sửa những lỗi dùng từ:**
- **1. Nhạc sĩ Phạm Duy có tiền sử bệnh tim và từng qua hai lần giải phẫu tim.**
- **2. Các phần tử cực đoan đang đe dọa sẽ làm trật đường rầy tiến trình chuyển đổi sang dân chủ của Tunisia.**
- **3. Hà Nội có kế hoạch đóng mới một tàu biển đa năng.**
- **5. Hơn một tỉ người châu Á trên khắp thế giới đã bước vào năm con Rắn bằng những màn pháo bông, ăn nhậu và đi thăm người thân.**
- **6. Vùng Đông Bắc nước Mỹ bắt đầu dọn dẹp sau cơn bão tuyết hung bạo.**
- **8. Bắc Hàn kỉ niệm ngày mất của Kim-Jong-il.**
- **9. Công dân cao niên Mỹ quan ngại về việc cắt giảm ngân sách.**

